

Số: 07 /2018/QĐ-UBND

Kiên Giang, ngày 04 tháng 5 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng
trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập
trên địa bàn tỉnh Kiên Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015;*

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 29 tháng 11 năm 2006;

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế ngày 20
tháng 11 năm 2012;*

Căn cứ Luật Thanh tra ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

*Căn cứ Nghị định số 86/2011/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2011 của
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thanh
tra;*

*Căn cứ Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2015 của
Chính phủ về đăng ký doanh nghiệp;*

*Căn cứ Nghị định số 96/2015/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2015 của
Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;*

*Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;*

*Căn cứ Nghị định số 50/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 6 năm 2016 của
Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế hoạch và
đầu tư;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2014/TT-TTCP ngày 23 tháng 4 năm 2014 của
Thanh tra Chính phủ quy định việc xây dựng, phê duyệt định hướng chương
trình thanh tra, kế hoạch thanh tra;*

*Căn cứ Thông tư liên tịch số 04/2015/TTLT-BKHĐT-BTC-BNV ngày 28
tháng 5 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ ban hành*



quy chế phối hợp mẫu giữa các cơ quan chức năng trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập;

Căn cứ Thông tư số 20/2015/TT-BKHĐT ngày 01 tháng 12 năm 2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-BKHĐT-BTC ngày 23 tháng 02 năm 2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính hướng dẫn việc trao đổi thông tin về doanh nghiệp giữa hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và hệ thống thông tin thuế;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 67/TTr-SKHĐT ngày 28 tháng 3 năm 2018 về ban hành quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Điều 2. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tổ chức triển khai, theo dõi, tổng hợp và kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 5 năm 2018. / *Ua*

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nội vụ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL – Bộ Tư pháp;
- Website Chính phủ;
- TT Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐB Quốc hội tỉnh Kiên Giang;
- TT HĐND tỉnh;
- TV UBND tỉnh;
- UBMT tổ quốc VN tỉnh;
- Như Điều 3 của QĐ;
- Công báo tỉnh;
- LĐVP, CVNC;
- Lưu: VT, Sở KH và ĐT (03), nknguyen. 89

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Vũ Hồng

QUY CHẾ

Phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Kiên Giang

(Ban hành kèm theo Quyết định số C7 /2018/QĐ-UBND ngày 04 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định mục tiêu, nguyên tắc, nội dung và trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan chức năng trên địa bàn tỉnh Kiên Giang trong việc trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp; thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; xử lý doanh nghiệp có hành vi vi phạm quy định về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện; báo cáo tình hình thực hiện quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang.
2. Cơ quan quản lý chuyên ngành, lĩnh vực thuộc cơ quan quản lý nhà nước cấp Trung ương đặt tại tỉnh Kiên Giang.
3. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh Kiên Giang (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp huyện).
4. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thành lập, tổ chức quản lý, tổ chức lại, giải thể và hoạt động có liên quan của doanh nghiệp.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. *Cung cấp thông tin doanh nghiệp* là việc cơ quan nhà nước được yêu cầu, trong phạm vi chức năng quản lý của mình và theo quy định của pháp luật, gửi thông tin doanh nghiệp có nội dung, phạm vi xác định tới cơ quan yêu cầu để phục vụ công tác quản lý nhà nước về doanh nghiệp.
2. *Trao đổi thông tin doanh nghiệp* là việc hai hay nhiều cơ quan chức năng cung cấp thông tin doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý cho nhau một cách liên tục hoặc theo định kỳ.



3. *Công khai thông tin doanh nghiệp* là việc cơ quan nhà nước, căn cứ vào chức năng quản lý của mình và theo quy định của pháp luật, cung cấp, phổ biến thông tin doanh nghiệp một cách rộng rãi, không thu phí.

4. *Thanh tra doanh nghiệp* là việc xem xét, đánh giá, xử lý theo trình tự, thủ tục được quy định tại Luật Thanh tra của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với việc thực hiện pháp luật, chính sách, quyền hạn, nghĩa vụ của doanh nghiệp và cá nhân, tổ chức có liên quan.

5. *Kiểm tra doanh nghiệp* là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, đánh giá việc thực hiện pháp luật, chính sách, quyền hạn, nghĩa vụ của doanh nghiệp và cá nhân, tổ chức có liên quan.

6. *Cơ quan chức năng* là cơ quan quy định tại Khoản 1, 2 và 3 Điều 2 Quy chế này.

7. *Đơn vị trực thuộc của doanh nghiệp* là chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh do doanh nghiệp thành lập.

Điều 4. Mục tiêu phối hợp

1. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả của quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh theo hướng:

a) Tăng cường sự phối hợp một cách đồng bộ giữa các cơ quan trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp.

b) Phân định trách nhiệm giữa các cơ quan trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp.

c) Tăng cường vai trò giám sát của xã hội đối với doanh nghiệp.

2. Phát hiện và xử lý kịp thời những doanh nghiệp có hành vi vi phạm pháp luật, ngăn chặn và hạn chế những tác động tiêu cực do doanh nghiệp gây ra cho xã hội.

3. Góp phần xây dựng môi trường kinh doanh thuận lợi, tạo điều kiện cho doanh nghiệp thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Nguyên tắc phối hợp

1. Trách nhiệm quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp phải được phân định rõ ràng phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cấp, từng cơ quan quản lý nhà nước cụ thể. Các cơ quan nhà nước quản lý doanh nghiệp theo từng ngành, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Doanh nghiệp kinh doanh đa ngành, nghề chịu sự quản lý của nhiều cơ quan nhà nước; mọi cơ quan chịu trách nhiệm quản lý hoạt động của doanh nghiệp theo từng ngành, lĩnh vực tương ứng.

2. Trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp phải đảm bảo chính xác, đầy đủ, kịp thời. Yêu cầu trao đổi, cung cấp thông tin doanh nghiệp phải căn cứ vào nhu cầu quản lý nhà nước phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan yêu cầu. Việc sử dụng thông tin doanh nghiệp phải tuân thủ theo quy định của pháp luật.

3. Phối hợp trong thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp phải bảo đảm chính xác, khách quan, trung thực, công khai, dân chủ, kịp thời; không trùng lặp về phạm vi, đối tượng, nội dung thanh tra, kiểm tra trong cùng thời gian giữa các cơ quan thực hiện thanh tra, kiểm tra; giảm thiểu đến mức tối đa sự phiền hà, cản trở hoạt động bình thường của doanh nghiệp.

4. Không làm phát sinh thủ tục hành chính đối với doanh nghiệp, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp hoạt động bình thường.

Chương II

TRAO ĐỔI, CUNG CẤP, CÔNG KHAI THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Điều 6. Nội dung thông tin doanh nghiệp

1. Thông tin đăng ký doanh nghiệp, bao gồm: Tên doanh nghiệp; mã số doanh nghiệp; địa chỉ trụ sở chính; ngành, nghề kinh doanh; thông tin về người đại diện theo pháp luật; vốn điều lệ, điều lệ công ty; danh sách thành viên, cổ đông sáng lập, người đại diện theo ủy quyền; thông tin về đơn vị trực thuộc và các thông tin đăng ký doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật.

2. Thông tin về tình trạng hoạt động của doanh nghiệp, bao gồm các tình trạng: Đang hoạt động; đang làm thủ tục giải thể; đã giải thể; bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; tạm ngừng kinh doanh; đã chấm dứt hoạt động (đối với đơn vị trực thuộc doanh nghiệp).

3. Thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, bao gồm: Báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính, doanh thu, sản lượng, số lao động, xuất khẩu, nhập khẩu và các thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh khác của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

4. Thông tin về xử lý doanh nghiệp có hành vi kinh doanh vi phạm pháp luật, bao gồm: Kết luận và kết quả xử lý của cơ quan có thẩm quyền đối với doanh nghiệp có hành vi vi phạm quy định của pháp luật về doanh nghiệp, về đầu tư, về quản lý thuế và pháp luật chuyên ngành khác.

Điều 7. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc trao đổi, cung cấp, công khai thông tin đăng ký doanh nghiệp

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối cung cấp thông tin đăng ký doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Kiên Giang.

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ quan chức năng có thể yêu cầu Sở Kế hoạch và Đầu tư cung cấp thông tin đăng ký doanh nghiệp. Sở Kế hoạch và Đầu tư ban hành Quy trình cung cấp thông tin đăng ký doanh nghiệp cho các cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh. Trường hợp phát hiện thông tin đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư cung cấp chưa chính xác hoặc chưa đầy đủ so với tình trạng thực tế của doanh nghiệp, cơ quan chức năng có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Sở Kế hoạch và Đầu tư để yêu cầu doanh nghiệp thực hiện đăng ký thay đổi hoặc hiệu đính thông tin đăng ký doanh nghiệp theo quy định. Sau khi doanh nghiệp đăng ký thay đổi hoặc hiệu đính thông tin, Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm thông báo kết quả cho cơ quan chức năng có liên quan.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối công khai thông tin đăng ký doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh định kỳ hàng tháng trên Trang thông tin điện tử (Website) của Sở Kế hoạch và Đầu tư. Nội dung thông tin đăng ký doanh nghiệp công khai gồm:

a) Tên, mã số, địa chỉ trụ sở chính, điện thoại, vốn điều lệ, ngành nghề kinh doanh, tên người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp;

b) Tên, mã số, địa chỉ trụ sở, điện thoại, ngành nghề kinh doanh, tên người đứng đầu đơn vị trực thuộc doanh nghiệp;

c) Tên, mã số, địa chỉ trụ sở chính, điện thoại, vốn điều lệ, ngành nghề kinh doanh, tên người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp đã hoàn tất thủ tục giải thể;

d) Tên, mã số, địa chỉ trụ sở, tên người đứng đầu đơn vị trực thuộc doanh nghiệp chấm dứt hoạt động;

đ) Tên, mã số, địa chỉ trụ sở chính, điện thoại, vốn điều lệ, ngành nghề kinh doanh, tên người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh;

e) Tên, mã số, địa chỉ trụ sở chính, điện thoại, vốn điều lệ, ngành nghề kinh doanh, tên người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp bỏ địa chỉ kinh doanh theo thông báo của cơ quan thuế;

3. Các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ chức năng, nhiệm vụ theo thẩm quyền có trách nhiệm công khai, cung cấp thông tin về doanh nghiệp liên quan đến ngành, lĩnh vực quản lý.

Điều 8. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc trao đổi, cung cấp, công khai thông tin về tình trạng hoạt động của doanh nghiệp

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối cung cấp, công khai về tình trạng hoạt động của doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư định kỳ đối chiếu thông tin trên hệ thống thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia với thông tin cơ quan thuế cung cấp về tình trạng hoạt động của doanh nghiệp, đối với doanh nghiệp ngừng hoạt động quá một năm mà không thông báo với cơ quan thuế hoặc cơ quan đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tiến hành thanh tra, kiểm tra, xử phạt theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và quy định của pháp luật.

3. Cục Thuế tỉnh có trách nhiệm tổng hợp, công khai thông tin về tình trạng hoạt động của doanh nghiệp đã bị đóng mã số thuế do doanh nghiệp không hoạt động tại địa điểm đăng ký kinh doanh, các doanh nghiệp đã được xử lý khôi phục mã số thuế do đã xin hoạt động kinh doanh trở lại và gửi thông tin cho Sở Kế hoạch và Đầu tư để xử lý theo quy định.

4. Các cơ quan chức năng theo lĩnh vực, địa bàn quản lý, khi phát hiện doanh nghiệp không còn hoạt động tại trụ sở đã đăng ký, lập danh sách gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế tỉnh để xử lý theo quy định.

Điều 9. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc trao đổi, cung cấp, công khai thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp

1. Các cơ quan chức năng chủ động xây dựng cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp hoạt động trong ngành, lĩnh vực quản lý nhà nước được giao; chủ động xây dựng phương án, công cụ trao đổi thông tin doanh nghiệp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế tỉnh và các cơ quan đầu mối thông tin doanh nghiệp khác để phục vụ nhiệm vụ quản lý nhà nước của mình. Trong đó, các cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành có trách nhiệm cung cấp thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp theo ngành, lĩnh vực định kỳ hàng quý hoặc đột xuất về Sở Kế hoạch và Đầu tư để phục vụ xây dựng báo cáo tổng hợp định kỳ hàng quý hoặc đột xuất theo quy định.

2. Các cơ quan chức năng trao đổi thông tin doanh nghiệp, chia sẻ cơ sở dữ liệu về doanh nghiệp nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý

nhà nước đối với doanh nghiệp, đồng thời giảm thiểu nghĩa vụ kê khai, báo cáo của doanh nghiệp.

3. Cơ quan chức năng thực hiện công khai thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Điều 10. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc công khai thông tin về xử lý doanh nghiệp có hành vi vi phạm pháp luật

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư là đầu mối công khai thông tin doanh nghiệp có hành vi vi phạm pháp luật về doanh nghiệp và đầu tư. Thông tin công khai bao gồm: Tên, mã số, địa chỉ trụ sở chính, tên người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, tình trạng vi phạm của doanh nghiệp.

2. Cục Thuế tỉnh công khai danh sách các doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh có hành vi vi phạm pháp luật về thuế theo quy định của Luật Quản lý thuế và theo hướng dẫn của Tổng cục Thuế.

3. Các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm công khai doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc doanh nghiệp có hành vi vi phạm, bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật chuyên ngành thuộc phạm vi quản lý. Thông tin công khai gồm: Tên, mã số, địa chỉ trụ sở chính, tên người đại diện theo pháp luật, người đứng đầu đơn vị trực thuộc doanh nghiệp, hành vi vi phạm pháp luật, hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả và kết quả thực hiện của doanh nghiệp.

4. Các trường hợp công khai được thực hiện đúng quy định pháp luật.

Điều 11. Hình thức, phương tiện trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp.

1. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh ứng dụng công nghệ thông tin để thực hiện trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp qua mạng điện tử (qua hệ thống đã được kết nối, qua email...) hoặc văn bản giấy.

2. Thông tin doanh nghiệp được trao đổi, cung cấp, công khai dưới dạng văn bản điện tử (là dữ liệu điện tử được tạo hoặc được quét (scan) từ văn bản giấy theo các định dạng “.pdf” hoặc “.doc”... và thể hiện chính xác, toàn vẹn nội dung của văn bản giấy).

3. Hình thức, phương tiện trao đổi, cung cấp, công khai thông tin doanh nghiệp của các cơ quan quản lý chuyên ngành, lĩnh vực thuộc cơ quan quản lý nhà nước cấp Trung ương đặt tại tỉnh thực hiện theo quy định hiện hành.



Chương III
THANH TRA, KIỂM TRA DOANH NGHIỆP, THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP VÀ XỬ LÝ DOANH NGHIỆP CÓ HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ NGÀNH, NGHỀ KINH DOANH CÓ ĐIỀU KIỆN

Điều 12. Nội dung phối hợp trong công tác thanh tra, kiểm tra, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và xử lý doanh nghiệp vi phạm quy định về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện

1. Nội dung phối hợp trong thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp bao gồm: Phối hợp xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp; phối hợp tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp.

2. Nội dung phối hợp trong thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bao gồm: Phối hợp xác định hành vi vi phạm thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và thực hiện thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

3. Nội dung phối hợp trong xử lý doanh nghiệp vi phạm quy định về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện gồm: Phối hợp xử phạt doanh nghiệp; yêu cầu doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện.

Điều 13. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc phối hợp xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp

1. Thanh tra tỉnh là cơ quan đầu mối xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp của tỉnh trên cơ sở tổng hợp yêu cầu về thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp của các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện; theo dõi, tổng hợp kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp đã được cấp trên phê duyệt của các cơ quan để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp có thể được xây dựng độc lập hoặc là một trong các nội dung của kế hoạch thanh tra, kiểm tra của tỉnh.

2. Các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm phối hợp xây dựng, triển khai kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp hàng năm trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình để tránh trùng lặp, chồng chéo về nội dung, đối tượng, thời gian thanh tra, kiểm tra. Trong kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp hàng năm của mình; các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện phải xác định cụ thể doanh nghiệp, đơn vị trực thuộc doanh nghiệp nội dung, thời hạn dự kiến thanh tra, kiểm tra.

a) Trước ngày 15 tháng 11 hàng năm; các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp năm sau liền kề của mình về Thanh tra tỉnh.

Căn cứ vào định hướng, chương trình kế hoạch công tác thanh tra của Thanh tra Chính phủ và tình hình thực tế của ngành, địa phương, Thanh tra tỉnh tổng hợp nhu cầu thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp của các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện để trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp năm sau liền kề. Kế hoạch này phải được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt chậm nhất vào ngày 25 tháng 11 hàng năm.

b) Các cơ quan quản lý chuyên ngành, lĩnh vực thuộc cơ quan quản lý nhà nước cấp Trung ương đặt tại tỉnh Kiên Giang có trách nhiệm đối chiếu với kế hoạch thanh tra, kiểm tra của các cơ quan chức năng khác trên địa bàn khi xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra của mình để giảm thiểu trùng lặp; gửi cho Thanh tra tỉnh Kiên Giang kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp năm sau liền kề đã được cấp trên phê duyệt.

3. Thanh tra tỉnh thông báo bằng văn bản tới các cơ quan chức năng có kế hoạch thanh tra, kiểm tra cùng với một hoặc một số doanh nghiệp đề nghị các cơ quan này trao đổi, thỏa thuận thành lập đoàn thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp liên ngành do một cơ quan chủ trì. Trường hợp do yêu cầu đặc thù phải thực hiện thanh tra, kiểm tra độc lập, Thủ trưởng cơ quan chức năng phải báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh bằng văn bản.

Điều 14. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc phối hợp tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp

1. Các sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm tổ chức thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp theo kế hoạch thanh tra, kiểm tra đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc tiến hành thanh tra, kiểm tra đột xuất theo quy định của pháp luật.

Trường hợp thành lập đoàn thanh tra liên ngành, Thanh tra tỉnh có trách nhiệm chủ trì, các cơ quan liên quan cử cán bộ tham gia. Hành vi vi phạm của doanh nghiệp trong từng lĩnh vực được xử lý theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Căn cứ kết luận của đoàn thanh tra liên ngành, Thủ trưởng cơ quan thanh tra chuyên ngành ra quyết định hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền ra quyết định xử lý theo quy định. Kết quả thanh tra liên ngành phải được gửi cho các cơ quan chức năng tham gia.

Trường hợp thành lập đoàn kiểm tra liên ngành, các cơ quan liên quan thống nhất cử một cơ quan chủ trì, các cơ quan liên quan khác cử cán bộ tham gia. Kết quả kiểm tra liên ngành phải được gửi cho các cơ quan tham gia. Hành

vi phạm của doanh nghiệp trong từng lĩnh vực được xử lý theo quy định của pháp luật chuyên ngành. Căn cứ kết luận của đoàn kiểm tra liên ngành, Thủ trưởng cơ quan chuyên ngành ra quyết định hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền ra quyết định xử lý vi phạm hành chính theo quy định.

2. Trường hợp trong quá trình chuẩn bị hoặc trong quá trình thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp, cơ quan chức năng phát hiện hoặc nhận thấy dấu hiệu doanh nghiệp có hành vi vi phạm pháp luật ngoài phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao có trách nhiệm thông báo, đề nghị cơ quan có thẩm quyền phối hợp hoặc thực hiện thanh tra, kiểm tra độc lập.

3. Thanh tra tỉnh là cơ quan tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc theo dõi, đôn đốc thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp của tỉnh; tổng hợp kết quả thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp của các cơ quan chức năng, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Kết quả thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp phải được công khai theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Trách nhiệm của các cơ quan trong việc phối hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

1. Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản hướng dẫn thi hành.

2. Cơ quan thuế khi kiểm tra doanh nghiệp, phát hiện doanh nghiệp bỏ địa chỉ kinh doanh thì có thông báo về việc người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đăng ký gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư cùng với biên bản xác minh (có xác nhận của địa phương) để Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư làm căn cứ ra thông báo về hành vi vi phạm của doanh nghiệp và yêu cầu doanh nghiệp báo cáo theo quy định, trường hợp doanh nghiệp không gửi báo cáo theo quy định thì Phòng Đăng ký kinh doanh sẽ thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày xác định hành vi vi phạm của doanh nghiệp theo quy định phải thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Sở Kế hoạch và Đầu tư.

4. Trường hợp nhận được thông tin về hành vi vi phạm của doanh nghiệp thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nếu xét thấy cần thiết phải xác minh thông tin, cơ quan đăng ký kinh doanh kiểm tra doanh nghiệp theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra

doanh nghiệp, cá nhân, tổ chức có liên quan. Kết quả xác minh thông tin về hành vi vi phạm của doanh nghiệp thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp phải được thể hiện bằng văn bản. Trách nhiệm cụ thể:

a) Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm xác minh việc tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trên địa bàn quản lý; xác minh doanh nghiệp ngừng hoạt động kinh doanh 01 năm mà không thông báo với cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan thuế;

b) Sở, ban, ngành tỉnh có trách nhiệm xác minh hành vi kinh doanh ngành, nghề cấm kinh doanh của doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý;

c) Công an tỉnh có trách nhiệm xác minh nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp là giả mạo, trả lời bằng văn bản kết quả xác minh theo đề nghị của cơ quan đăng ký kinh doanh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị;

d) Cơ quan, tổ chức quản lý người thành lập doanh nghiệp thuộc đối tượng bị cấm thành lập doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp có trách nhiệm xác minh lý lịch của người thành lập doanh nghiệp đó.

5. Khi nhận được văn bản của cơ quan chức năng xác định hành vi vi phạm của doanh nghiệp thuộc trường hợp thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của doanh nghiệp theo quy định, đồng thời thông báo cho cơ quan chức năng đã có yêu cầu thu hồi và Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi doanh nghiệp đăng ký địa chỉ trụ sở. Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi doanh nghiệp đăng ký địa chỉ trụ sở có trách nhiệm kiểm tra, xử lý nếu doanh nghiệp tiếp tục hoạt động sau khi đã bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Điều 16. Trách nhiệm của các cơ quan trong phối hợp xử lý doanh nghiệp có hành vi vi phạm quy định về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện

1. Trường hợp phát hiện doanh nghiệp có hành vi vi phạm quy định về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, sở, ban, ngành quản lý chuyên ngành của tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xử phạt theo thẩm quyền hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền quyết định xử phạt theo quy định của pháp luật chuyên ngành, đồng thời yêu cầu doanh nghiệp thực hiện đúng quy định về điều kiện kinh doanh.

2. Các sở, ban, ngành quản lý nhà nước về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư trong các trường hợp sau:

a) Thu hồi, rút, đình chỉ Giấy phép kinh doanh, Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh, chứng chỉ hành nghề hoặc các loại văn bản chứng nhận, chấp thuận khác đã cấp cho doanh nghiệp kinh doanh các ngành, nghề kinh doanh có điều kiện;

b) Đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh ra thông báo yêu cầu doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện do không đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh.

3. Khi nhận được thông báo bằng văn bản của cơ quan chức năng quy định tại Khoản 2 Điều này, trong thời hạn 03 ngày, kể từ ngày nhận văn bản thông báo, Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư ra thông báo yêu cầu doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện, đồng thời gửi cho Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi doanh nghiệp đặt trụ sở theo dõi việc thực hiện yêu cầu của cơ quan đăng ký kinh doanh.

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện theo dõi doanh nghiệp thực hiện yêu cầu tạm ngừng kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo thông báo của Phòng Đăng ký kinh doanh. Trường hợp doanh nghiệp tiếp tục kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện khi không đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh, Ủy ban nhân dân cấp huyện tiến hành xử lý hành vi vi phạm theo thẩm quyền và thông báo cho cơ quan đăng ký kinh doanh và cơ quan chức năng quản lý chuyên ngành để xử lý.

Chương IV

BÁO CÁO VỀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP SAU ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP

Điều 17. Nội dung báo cáo về quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập

1. Tình hình công tác quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập.

2. Tình hình thực hiện phối hợp giữa các cơ quan chức năng về các nội dung sau:

- a) Trao đổi, cung cấp và công khai thông tin doanh nghiệp;
- b) Thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp;
- c) Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;



d) Xử lý doanh nghiệp có hành vi vi phạm quy định về ngành, nghề kinh doanh có điều kiện;

đ) Các nội dung khác thực hiện theo yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 18. Trách nhiệm của các cơ quan trong báo cáo về quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp

1. Chậm nhất ngày 31 tháng 01 hàng năm, các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp trong ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý được phân công và tình hình thực hiện phối hợp các nội dung quy định tại Khoản 2 Điều 17 Quy chế này của năm liền trước; đồng thời gửi báo cáo về Sở Kế hoạch và Đầu tư, Thanh tra tỉnh để tổng hợp.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối tổng hợp tình hình thực hiện nội dung phối hợp quy định tại các Điểm a, c và d Khoản 2 Điều 17 Quy chế này.

3. Thanh tra tỉnh là cơ quan đầu mối tổng hợp tình hình thực hiện nội dung phối hợp quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 17 Quy chế này.

4. Các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện báo cáo các nội dung quy định tại Điểm đ Khoản 2 Điều 17 Quy chế này khi có yêu cầu của Ủy ban nhân dân tỉnh.

5. Trước ngày 25 tháng 02 hàng năm, Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Thanh tra tỉnh dự thảo văn bản đề Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư tình hình quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập của năm liền trước theo các nội dung quy định tại Điều 17 Quy chế này, đồng thời gửi Bộ Tài chính, Bộ Nội vụ.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 19. Trách nhiệm thực hiện

1. Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện và đơn vị liên quan theo dõi, tổng hợp tình hình triển khai thực hiện Quy chế; chủ trì phối hợp Thanh tra tỉnh và các sở, ban, ngành tỉnh, đơn vị liên quan tham mưu với Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư tình hình quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập của năm liền trước theo quy định tại Khoản 5 Điều 18 Quy chế này.

2. Các sở, ban, ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ chức năng nhiệm vụ quyền hạn được giao, chủ động thực hiện quản lý nhà nước đối với




doanh nghiệp sau đăng ký thành lập, đồng thời có trách nhiệm chủ động phối hợp với các cơ quan khác trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập theo quy định tại Quy chế này.

Điều 20. Kinh phí triển khai, thực hiện Quy chế phối hợp

Kinh phí bảo đảm cho công tác phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp sau đăng ký thành lập trên địa bàn tỉnh Kiên Giang được bố trí trong dự toán chi thường xuyên của sở, ban, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Điều 21. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, phát sinh mới, các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp. 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**




Phạm Vũ Hồng

